

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG THPT

TRẦN VĂN GIÀU

**CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ
THÔNG NĂM HỌC 2018-2019**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	50	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	50	
2	Phòng học bán kiên cố	/	
3	Phòng học tạm	/	
4	Phòng học nhờ	/	
5	Số phòng học bộ môn	10	01 phòng /1 môn.
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	12	
7	Bình quân lớp/phòng học	01	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	14857m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2250 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	10738m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2891m ²	59m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1058m ²	96m ²
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	360m ²	60m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	160m ²	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	782m ²	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	1802,5m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	69	
2	Khối lớp 11	68	
3	Khối lớp 12	71	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	171	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	0,26
2	Cát xét	36	0,78
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	0,04
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	14	0,3
5	Bảng tương tác	04	
..			
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	-	
XI	Nhà ăn	-	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1400	700	2 m ²
XIII	Khu nội trú	-	-	-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	09	14	07/07	387	0,3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Bình Thạnh, ngày 01 tháng 8 năm 2019

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Đức Chính

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG THPT

TRẦN VĂN GIÀU

**CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ
QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ
THÔNG NĂM HỌC 2018-2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	102	89	13							
I	Giáo viên	79	79			26	53				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	13	13			04	09				
2	Lý	09	09			03*	06				
3	Hóa	08	08			06	02				
4	Sinh	05	05			/	05				
5	Sử	04	04			01	03				
6	Địa	04	04			01	03				
7	Văn	10	10			04	06				
8	Tin học	05	05			02*	05				

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
9	GD CD	03	03			/	03				
10	GDQP	02	02			/	02				
11	Anh văn	11	11			03*	08				
12	TD	05	05			02	03				
13	Công nghệ	Công Nghệ 10: Giáo viên dạy Sinh học giảng dạy. Công nghệ 11,12: Giáo viên dạy Vật Lý giảng dạy.									
II	Cán bộ quản lý	03	03			02	01				
1	Hiệu trưởng	01	01			01					
2	Phó hiệu trưởng	02	02			01	01				
III	Nhân viên	20	20				10	02	02	06	
1	Nhân viên văn thư	01		01					01		
2	Nhân viên kế toán	02	01	01			01	01			
3	Thủ quỹ	01	01				01				
4	Giám thị	04		04		/	04				
5	Nhân viên y tế	01	01						01		
6	Nhân viên thư viện	01	01				01				
7	Nhân viên học vụ	02	01	01			02				
8	Nhân viên tin học, kỹ thuật	01	01					01			
9	Nhân viên thiết bị	01	01				01				
10	Nhân viên bảo vệ	03		03						03	

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
11	Nhân viên phục vụ	03		03						03	

Bình Thạnh, ngày 01 tháng 8 năm 2019

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Đức Chính